

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày 02-7-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Lâm.

Ông Dương Thành Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Duy Tôn – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp 5, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp 5, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Hữu L trình bày:

Anh L và chị L tự nguyện sống chung và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, anh L và chị L sống tại ấp 5, xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Quá trình sống chung, anh L và chị L sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, chị L thường bỏ nhà đi lâu lâu mới về thăm con một lần, chị L không quan tâm chăm sóc gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị L.

Về con chung: anh L và chị L có 02 (hai) người con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2002 và cháu Nguyễn Hữu Tùng Q, sinh ngày 29

tháng 11 năm 2008, hiện hai cháu chung sống với anh L. Khi ly hôn, anh L yêu cầu tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh L không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Hữu L bản photo sao y; trích lục kết hôn (bản sao); giấy khai sinh mang tên Nguyễn Hữu Tùng Q (bản sao); trích lục khai sinh Nguyễn Thị Thùy T.

Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho chị L do chị L thường xuyên vắng nhà. Theo kết quả xác minh ngày 30 tháng 3 năm 2018 tại Công an xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương: chị L có đăng ký thường trú tại ấp 5, xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, chị L vẫn còn sinh sống tại địa chỉ trên. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị L theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của chị L, trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, chị L không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về việc anh L xin ly hôn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa anh L và chị L được biết: anh L và chị L là vợ chồng, sau khi kết hôn, anh L và chị L sống tại ấp 5, xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Quá trình sống chung, anh L và chị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh L và chị L đã sống ly thân với nhau.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của anh L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; chị L có nơi cư trú tại ấp 5, xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình

Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: anh L và chị L tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị L là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh L yêu cầu ly hôn với chị L vì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, chị L không quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bỏ mặc nhau, không có hạnh phúc.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú được biết: anh L và chị L là vợ chồng. Sau khi kết hôn, anh L và chị L sống tại ấp 5, xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Quá trình sống chung, anh L và chị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị L không quan tâm chăm sóc gia đình và thường xuyên bỏ nhà đi lâu lâu mới về. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh L đối với chị L là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh L và chị L có 02 (hai) người con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy Trâm, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2002 và cháu Nguyễn Hữu Tùng Quang, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2008. Anh L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Xét thấy, cháu T và cháu Q hiện đang sống ổn định với anh L từ khi anh L và chị L ly thân và nguyện vọng của hai cháu là muốn sống chung với anh L. Do đó, tiếp tục giao hai cháu cho anh L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu thành niên là chính đáng và phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, anh L không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của anh L đối với chị L được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn chị Nguyễn Thị L.

Về hôn nhân: anh Nguyễn Hữu L được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2002 và cháu Nguyễn Hữu Tùng Q, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2008 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: anh L và chị L không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Hữu L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002853 ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Hưng Hòa, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN ĐĂNG KHOA